

Bản án số 910/2023/HS-PT
Ngày 11/12/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tự Học;

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Thơm;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhạn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Đức Minh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1199/2023/TLPT-HS ngày 26 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Đỗ Thị Ng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, do có kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2023/HS-ST ngày 28/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

*** Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:**

Họ và tên: **Đỗ Thị Ng**, sinh năm 1966; nơi ĐKKHKT, nơi cư trú: thôn Nguyệt Th, xã Yên T, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 7/10; nghề nghiệp: Tự do; tiền án, tiền sự: Không; con ông Đỗ Văn H (đã chết), con bà Trần Thị Đ (đã chết); có chồng là Hà Văn T1 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 1994; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/12/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định; có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Thị Ng:** Luật sư Lại Thị Bích L - Văn phòng luật sư Bắc Việt L1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Nam Định; có mặt.

*** Người bị hại có kháng cáo:**

1. Bà Đỗ Thị G, sinh năm 1955; địa chỉ: thôn Thanh Th, xã Yên L2, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

2. Bà Phạm Thị Ch, sinh năm 1950; địa chỉ: thôn Nguyệt Th, xã Yên T, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định; có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn Thanh N, xã Yên L2, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định; vắng mặt.
4. Ông Hà Văn M, sinh năm 1933; địa chỉ: thôn Nguyệt Th, xã Yên T, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định; có mặt.
5. Chị Hà Thị L3, sinh năm 1976; địa chỉ: thôn Nguyệt Th, xã Yên T, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định; có mặt.
6. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1955; địa chỉ: thôn Nguyệt Th, xã Yên T, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định; vắng mặt.
7. Bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1950; địa chỉ: thôn Nguyệt Th, xã Yên T, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định; vắng mặt.
8. Bà Đỗ Thị Ch1, sinh năm 1962; địa chỉ: thôn Thanh Th, xã Yên L2, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định; có mặt.
9. Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1965; địa chỉ: thôn Đồng Th2, xã Yên L2, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định; có mặt.
10. Bà Hà Thị M1, sinh năm 1957; địa chỉ: thôn Nguyệt Th, xã Yên T, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định; có mặt.
11. Bà Nguyễn Thị Ng1, sinh năm 1967 và chồng là ông Hà Văn H6, sinh năm 1963; địa chỉ: thôn Nguyệt Th, xã Yên T, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định; đều có mặt.
12. Chị Hà Thị H4, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn Nguyệt Th, xã Yên T, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định; có mặt.
13. Anh Phạm Hồng Th2, sinh năm 1983; địa chỉ: thôn Nguyệt B, xã Yên T, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định; vắng mặt.
14. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1962; địa chỉ: thôn Thịnh Đ1, xã Yên L2, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định; có mặt.
15. Ông Hà Ngọc Đ2, sinh năm 1957 và vợ là bà Trương Thị Y, sinh năm 1954; địa chỉ: thôn Nguyệt Th, xã Yên T, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định; đều có mặt.
16. Anh Hà Văn Ch2, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn Nguyệt Th, xã Yên T, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định; có mặt.
17. Chị Nguyễn Thị Ng1, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn Ngô X, xã Yên L2, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định; vắng mặt.
18. Ông Hà Mạnh T3, sinh năm 1968; địa chỉ: thôn Trung H2, xã Yên T, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định; vắng mặt.
19. Bà Nguyễn Thị Th3, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn Thanh N, xã Yên L2, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định; vắng mặt.
20. Ông Nguyễn Xuân H3, sinh năm 1966; địa chỉ: thôn Thanh Tr, xã Yên L2, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định; có mặt.

* *Người bị hại không kháng cáo được triệu tập*: Chị Nguyễn Thị H5, sinh năm 1987; địa chỉ: thôn Thanh N, xã Yên L2, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 8/2017 Đỗ Thị Ng, sinh năm 1966, trú tại thôn Nguyệt Th, xã Yên T, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định cùng chồng là Hà Văn Tiểu, sinh năm 1963, thế chấp quyền sử dụng đất (thửa đất số 318, tờ bản đồ số 11, diện tích 140m²) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CB 218966 ở địa chỉ thôn Nguyệt Thượng, xã Yên Tân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định vay Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt chi nhánh huyện Ý Yên 700.000.000 đồng và vay mượn tiền của một số người để xây dựng và chăn nuôi. Năm 2018 và đầu năm 2019, qua giới thiệu Đỗ Thị Ng cùng chồng đã vay mượn tiền mua 03 mảnh đất, ngay sau đó đã bán hết, số tiền vay để mua những mảnh đất này vợ chồng Ng đã trả hết. Do làm ăn thua lỗ nên Ng phải đi vay tiền nhiều người khác với lãi suất cao để trang trải, tiêu xài cá nhân. Sau khi vay được tiền Ng không có làm ăn kinh doanh gì, dẫn đến không có khả năng thanh toán nợ. Để che giấu gia đình, từ tháng 01/2019, Ng đã nảy sinh mục đích, hành vi gian dối vay tiền của người này để trả lãi hoặc một phần tiền gốc vay cho người khác. Để tạo niềm tin với người cho vay, Ng đều nói mục đích vay tiền để mua bán đất, hoặc đặt cọc mua đất. Khi vay được tiền Ng sẽ lấy tiền vay được để trả tiền lãi theo thỏa thuận hoặc một phần tiền gốc cho người vay khác, để tiếp tục vay tiếp hoặc không trả lãi. Ng tự giới thiệu đang buôn bán bất động sản làm ăn uy tín để tạo lòng tin với người bị hại, có trường hợp Ng còn giả chữ ký chồng, con trai, con dâu xác nhận trong giấy vay làm cho người bị hại hoàn toàn tin tưởng giao tiền cho Ng vay. Đến thời hạn trả lãi, Ng thanh toán trả lãi đầy đủ hoặc cho thêm tiền hoa hồng (nhờ bán đất) để tạo thêm lòng tin nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của những người cho Ng vay tiền. Đỗ Thị Ng bằng thủ đoạn gian dối nêu trên đã vay của 21 bị hại với tổng số tiền là **7.205.124.000 đồng** (bảy tỷ hai trăm linh năm triệu một trăm hai mươi bốn nghìn đồng), cụ thể vay của các bị hại sau:

1. Bà Đỗ Thị G, sinh năm 1955, trú tại thôn Thanh Th, xã Yên L2, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định: Ngày 30/01/2019, Đỗ Thị G cho Ng vay số tiền **15.000.000** đồng để buôn bán bất động sản, Ng ghi biên nhận khoản vay vào sổ do bà G giữ, hai bên thống nhất khi nào bà G cần tiền thì báo trước, Ng sẽ hoàn trả số tiền vay, lãi suất khoản vay là 150.000 đồng/tháng (tương đương với 12%/năm) nhưng không ghi trong giấy vay. Sau khi nhận tiền vay, Ng sử dụng trả lãi và tiêu xài cá nhân, Ng không nhớ đã sử dụng trả cho lãi cho ai. Ng đã trả lãi cho bà G đến tháng 7/2022 là 43 tháng với số tiền là 6.450.000 đồng. Bà G

nhiều lần đòi tiền gốc nhưng Ng không trả.

2. Bà Phạm Thị Ch, sinh năm 1950, trú tại thôn Nguyệt Th, xã Yên T, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định: Cho Ng vay 2 lần với tổng tiền vay là **50.000.000 đồng**, Ng tự viết khoản vay vào sổ của bà Ch giữ. Bà Ch khai thỏa thuận với Ng lãi suất tổng số tiền vay là: 0,8%/tháng (tức 9,6%/năm) nhưng không ghi trong giấy vay. Hai bên thống nhất khi nào cần tiền thì bà Ch báo trước Ng sẽ hoàn trả. Cụ thể:

- Ngày 22/4/2020 âm lịch (tức ngày 13/6/2020) bà Ch cho Ng vay số tiền 40.000.000 đồng. Ng trả lãi 5 tháng x 320.000đ là 1.600.000 đồng.

- Ngày 11/10/2020 âm lịch (tức ngày 25/11/2020) bà Ch cho Ng vay thêm 10.000.000 đồng giải quyết việc cá nhân, tổng cộng hai khoản vay là 50.000.000 đồng.

Ng trả lãi tổng số tiền vay 50.000.000 đồng là: 15 tháng x 400.000đ/tháng là 6.000.000đ (từ tháng 10/2020 đến tháng 11/2/2022 âm lịch) sau đó thì không còn khả năng trả.

Theo Ng khai nhận bà Ch cho Ng vay tiền với lãi suất 01%/tháng (tương đương 12%/năm), Ng đã trả lãi cho bà Ch đến tháng 7/2022 thì không còn khả năng trả nữa, hiện vẫn nợ bà Ch số tiền gốc là **50.000.000 đồng**. Sau khi nhận tiền vay của bà Ch, Ng sử dụng trả lãi và tiêu xài cá nhân, Ng không nhớ đã sử dụng trả cho lãi cho ai. Bà Ch nhiều lần đòi tiền nhưng Ng không trả.

3. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1963, trú tại thôn Thanh N, xã Yên L2, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định: Trong khoảng thời gian từ tháng 1/2021 đến tháng 4/2021 Ng hỏi bà T2 vay tiền hai lần để đầu tư bất động sản với tổng tiền vay là **90.000.000 đồng**, Ng viết giấy biên nhận số tiền vay trên vào sổ do bà T2 giữ, lãi suất số tiền vay là 01%/tháng (tương đương 12%/năm), hai bên thống nhất ba tháng trả lãi một lần, khi nào cần tiền gốc thì bà T2 sẽ báo trước một tháng để Ng thanh toán trả. Ng đã trả tiền lãi cho bà T2 đến 14/9/2021 là: 15 tháng x 2.700.000 đồng là 40.500.000 đồng. Ng khai nhận đã trả lãi cho bà T2 đến tháng 6/2022, đến nay vẫn nợ số tiền gốc là **90.000.000 đồng**. Sau khi nhận tiền vay, Ng sử dụng trả lãi và tiêu xài cá nhân, trả lãi bao nhiêu, cho ai Ng không nhớ. Bà T2 nhiều lần đòi tiền gốc vay nhưng Ng không trả.

4. Ông Hà Văn M, sinh năm 1933, trú tại thôn Nguyệt Th, xã Yên T, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định: Ngày 10/02/2021 âm lịch (tức ngày 22/3/2021), ông M cho Ng vay **16.000.000 đồng** để làm ăn kinh tế, không hẹn ngày trả tiền mà thống nhất khi nào ông M cần tiền gốc thì Ng sẽ trả. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,3%/tháng (tức 15,6%/ năm), không ghi vào giấy vay. Ng đã trả ông M tiền lãi của 11 tháng với tổng số tiền là 2.288.000 đồng; đến hết năm 2021 thì không trả tiền lãi nữa. Ngay sau khi nhận tiền Ng đã đi trả tiền lãi cho người khác, cụ thể trả ai, bao nhiêu Ng không nhớ. Ông M nhiều lần đòi tiền gốc vay nhưng Ng không trả. Hiện tại Ng vẫn nợ ông M số tiền **16.000.000 đồng**.

5. Chị Hà Thị L3, sinh năm 1976, trú tại thôn Nguyệt Th, xã Yên T, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định: Cho Ng vay tiền hai lần với tổng tiền vay là **50.000.000 đồng**, cụ thể: Trước Tết nguyên đán 2021, Ng vay 30.000.000 đồng để sử dụng việc cá nhân, thống nhất khi nào chị L3 cần tiền gốc thì báo trước 10 ngày, Ng sẽ hoàn trả số tiền vay, lãi suất thỏa thuận là 01%/tháng (tức 12%/năm). Đến ngày 13/02/2021 âm lịch (tức ngày 25/3/2021), Ng vay thêm chị L3 20.000.000 đồng, thỏa thuận như trên. Chị L3 yêu cầu Ng cộng gộp hai khoản vay viết vào sổ của chị L3 giữ, trong giấy không ghi thời hạn trả, không ghi lãi xuất. Ngày 16/3/2021, Ng đã trả số tiền vay gốc là 11.000.000 đồng, đến nay còn nợ chị L3 **39.000.000 đồng** tiền gốc, có ghi vào giấy vay và ghi nội dung đã trả lãi hết 2021 (âm lịch). Ngay sau khi nhận các khoản tiền vay của chị L3 thì Ng đã đi trả tiền cho người khác, cụ thể trả ai, bao nhiêu Ng không nhớ. Chị L3 đã nhiều lần đòi tiền nhưng Ng không trả.

6. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1955, trú tại thôn Nguyệt Th, xã Yên T, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định: Trong khoảng thời gian từ tháng 2/2022 đến tháng 5/2022. Bà H1 đã 6 lần cho Đỗ Thị Ng vay tiền, vàng để buôn bán bất động sản với tổng tiền cho vay là 91.000.000 đồng và 8,5 chỉ vàng (tương đương 42.557.000 đồng), tổng cộng là: **133.557.000 đồng**, hai bên thống nhất thời hạn trả là tháng 10/2022, lãi suất tính theo từng khoản vay Ng ghi vào giấy biên nhận trong sổ do bà H1 giữ, cụ thể:

- Ngày 23/02/2021 âm lịch (tức ngày 04/4/2021) bà H1 cho Ng vay 43.000.000 đồng, lãi suất là 650.000 đồng/tháng (tức 18,1%/ năm); 8,5 chỉ vàng 9999, lãi suất là 340.000 đồng/tháng (tức 9,5%/ năm).

- Ngày 20/03/2021 âm lịch (tức ngày 01/5/2021), bà H1 cho Ng vay 6.000.000 đồng, không ghi lãi suất trong giấy vay.

- Ngày 24/05/2021 âm lịch (tức ngày 03/7/2021), bà H1 cho Ng vay 15.000.000 đồng, lãi suất là 220.000 đồng/tháng (tức 17,6%/ năm).

- Ngày 15/02/2022 âm lịch (tức ngày 17/3/2022), bà H1 cho Ng vay 12.000.000 đồng, lãi suất là 180.000 đồng/tháng (tức 18%/ năm).

- Ngày 05/05/2022 âm lịch (tức ngày 03/6/2022), bà H1 cho Ng vay 15.000.000 đồng, không tính lãi. Ngày 02/7/2022, Ng đã trả khoản vay này cho bà H1.

Đối với các khoản vay trên Ng đã trả đủ tiền lãi (theo thỏa thuận mỗi tháng 1.500.000 đồng tức 15,18%/năm) từ khi vay tiền đến tháng 5/2022.

Sau khi nhận các khoản tiền vay trên, Ng sử dụng trả lãi và tiêu xài cá nhân, trả lãi bao nhiêu, cho ai Ng không nhớ. Từ tháng 6/2022, bà H1 đã nhiều lần đòi tiền gốc nhưng Ng không trả. Bà H1 giao nộp 01 giấy biên nhận cho Ng vay tổng số tiền 76.000.000 đồng và 8,5 chỉ vàng 9999, tổng cộng là **118.557.000 đồng**.

Tại Kết luận số 19/KL ĐGTS ngày 24/5/2023, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự tỉnh Nam Định kết luận: 8,5 chỉ vàng 999 tại thời điểm

ngày 04/4/2021 là 42.557.000 đồng.

7. Bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1950, trú tại thôn Nguyệt Th, xã Yên T, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định: Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2021 đến tháng 3/2022 bà Th1 đã 06 lần cho Đỗ Thị Ng vay tiền để đầu tư bất động sản với tổng số tiền cho vay là **595.000.000 đồng**. Hai bên thống nhất khi nào bà Th1 cần tiền gốc thì báo trước, Ng sẽ thanh toán trả. Ng viết, ký xác nhận lần lượt từng khoản vay vào sổ do bà Th1 giữ, nhưng không ghi lãi suất, thời hạn trả trong giấy. Riêng lãi suất vay, bà Th1 khai nhận đã thỏa thuận với Ng lãi suất là 01%/tháng (tức 12%/năm), cụ thể:

- Ngày 07/08/2021 âm lịch (tức ngày 13/9/2021) cho Ng vay 150.000.000 đồng. Đã trả lãi được tháng 8, 9/2021 là: 2 tháng x 1.500.000 đồng là 3.000.000 đồng.

- Ngày 11/10/2021 âm lịch (tức ngày 15/11/2021) cho Ng vay 100 triệu đồng. Đã trả lãi được tháng 10, 11/2021 là: 2 tháng x 2.500.000đ là 5.000.000 đồng.

- Ngày 27/11/2021 âm lịch (tức ngày 30/12/2021) cho Ng vay 50.000.000 đồng. Đã trả lãi tháng 12/2021 là 3.000.000 đồng.

- Ngày 18/01/2022 âm lịch (tức ngày 18/2/2022) cho Ng vay 70.000.000 đồng. Đã trả lãi tháng 01/2022 âm lịch là 3.700.000 đồng.

- Ngày 02/02/2022 âm lịch (tức ngày 04/3/2022) cho Ng vay 100.000.000 đồng.

Đối với 5 khoản vay trên, từ tháng 2/2022 đến tháng 5/2022, Ng đã trả lãi cho bà Th1 mỗi tháng 4.700.000 đồng, số tiền lãi đã trả được là: 4 tháng là 18.800.000 đồng.

- Ngày 13/4/2022 âm lịch (tức ngày 13/5/2022) cho Ng vay 120.000.000 đồng. Khoảng tháng 5/2022 âm lịch (tức tháng 6/2022), Đỗ Thị Ng đã trả cho bà Th1 số tiền 55.000.000 đồng tiền vay gốc, còn nợ 65.000.000 đồng.

- Ngày 18/6/2022 âm lịch (tức ngày 16/7/2022) Ng vay số tiền 5.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng. Sau lần vay này thì Ng không trả lãi nữa.

Ngay sau khi nhận các khoản vay trên, Ng đã đi trả tiền lãi cho người khác, cụ thể trả ai, bao nhiêu Ng không nhớ. Bà Th1 nhiều lần đòi tiền gốc nhưng Ng không trả. Hiện Ng còn nợ bà Th1 số tiền **540.000.000 đồng**. Tuy nhiên tại cơ quan điều tra: Ng khai nhận khi vay tiền thì Th1 tính lãi suất là 3.000 đồng/1triệu/ ngày, đến khi tổng số tiền vay là 300.000.000 đồng thì Th1 tính lãi là 2.500 đồng/ 1triệu/ngày và đã trả lãi đến tháng 6/2022 nhưng không cung cấp được tài liệu thể hiện việc trả tiền lãi cao.

8. Bà Đỗ Thị Ch1, sinh năm 1962, trú tại thôn Thanh Th, xã Yên L2, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định: Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2021 đến tháng 11/2021 bà Ch1 đã 3 lần cho Ng vay tiền để buôn bán bất động sản với tổng số tiền là: **341.000.000 đồng**. Hai bên thống nhất khi nào bà Ch1 cần tiền gốc thì báo trước, Ng sẽ thanh toán trả. Ng viết, ký xác nhận lần lượt từng khoản vay vào sổ do bà Ch1 giữ, nhưng không ghi lãi suất, thời hạn trả trong giấy. Riêng lãi suất vay, bà Ch1 khai nhận đã thỏa thuận với Ng lãi suất là 01%/tháng (tức

12%/năm), cụ thể:

- Ngày 15/9/2021 âm lịch (tức ngày 19/11/2021), cho Ng vay 250.000.000 đồng.
- Ngày 06/10/2021 âm lịch (tức ngày 10/11/2021), cho Ng vay 20.000.000 đồng.
- Ngày 07/11/2021 âm lịch (tức ngày 10/12/2021), cho Ng vay 35.000.000 đồng.
- Khoảng tháng 7/2022, bà Ch1 cho Ng vay thêm 36.000.000 đồng để giải quyết việc cá nhân, khoản tiền này không viết giấy vay, không tính lãi.

Sau khi nhận tiền vay, Ng đã mang đi trả lãi, gốc cho nhiều người không nhớ cụ thể. Ng đã trả tiền lãi cho bà Ch1 đến hết tháng 6/2022, bà Ch1 nhiều lần đòi tiền gốc nhưng Ng không trả. Tuy nhiên, Ng khai nhận khi vay tiền thì bà Ch1 tính lãi suất là 2.000 đồng/1triệu/ngày, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh.

Ngoài ra, từ năm 2021 đến năm 2022 khi cùng Ng tham gia chơi nhiều xuất phường hội trên địa bàn xã Yên Lợi, bà Ch1 nhiều lần dôn tiền mua phường hội để cho Ng lấy trước, hai bên thỏa thuận khi đến lượt Ng lấy tiền phường hội thì bà Ch1 sẽ được nhận thay để trừ vào số tiền đã ứng trước cho Ng. Đối với số tiền chơi phường hội bà Ch1 không đề nghị Cơ quan điều tra giải quyết.

9. Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1965, trú tại thôn Đồng Th2, xã Yên L2, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định: Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2021 đến tháng 5/2022 bà Ph đã 04 lần cho Ng vay với tổng tiền là **229.000.000 đồng**. Hai bên thống nhất khi nào bà Ph cần tiền gốc thì báo trước, Ng sẽ thanh toán trả. Ng viết, ký xác nhận lần lượt từng khoản vay vào sổ do bà Ph giữ, nhưng không ghi lãi suất, thời hạn trả trong giấy. Riêng lãi suất vay, bà Ph khai nhận đã thỏa thuận với Ng lãi suất là 01%/tháng (tức 12%/năm), cụ thể:

- Ngày 08/11/2021 âm lịch (tức ngày 11/12/2021) cho Ng vay 50.000.000 đồng.
- Ngày 28/12/2021 âm lịch (tức ngày 30/01/2022) cho Ng vay 50.000.000 đồng.
- Ngày 15/4/2022 âm lịch (tức ngày 15/5/2022) cho Ng vay 50.000.000 đồng.
- Ngày 04/6/2022 âm lịch (tức ngày 2/7/2022) cho Ng vay 63.000.000 đồng; ngày hôm sau cho vay thêm 16.000.000 đồng, tổng cộng hai khoản là 79.000.000 đồng, thời hạn vay 02 ngày.

Sau khi nhận tiền vay, Ng đã mang đi trả lãi, gốc cho nhiều người không nhớ cụ thể. Ng mới trả cho bà Ph tất cả được khoảng 2.000.000 đồng tiền lãi. Đến tháng 10/2022 bà Ph đòi tiền thì Ng nói đã bị vỡ nợ không còn khả năng trả. Tuy nhiên, Ng khai nhận khi vay tiền thì bà Ph tính lãi suất là 4.000 đồng/triệu/ngày, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh.

10. Bà Hà Thị M1, sinh năm 1957, trú tại thôn Nguyệt Th, xã Yên T, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định: Ngày 01/01/2022 âm lịch (tức ngày 01/2/2022), bà M1 cho Ng vay 65.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 9999 (trọng lượng 26.567.000 đồng), tổng cộng là: **91.567.000 đồng** để buôn bán bất động sản. Ng và bà M1 thỏa

thuận mỗi tháng Ng phải trả lãi là 1.900.000 đồng (*tương đương 24%/năm*). Hai bên thống nhất khi nào bà M1 cần tiền gốc thì báo trước Ng sẽ hoàn trả, trong giấy vay không ghi lý do vay tiền và thời hạn trả. Tuy nhiên bà M1 yêu cầu phải có người nhà cùng ký xác nhận trong giấy vay tiền. Sau đó Ng đã giả chữ viết, chữ ký của con trai Hà Văn Tĩnh và con dâu là Nguyễn Thị L3 vào dưới mục người vay rồi đưa giấy vay tiền cho bà M1 giữ. Sau khi nhận tiền vay, Ng sử dụng trả lãi và tiêu xài cá nhân, trả lãi bao nhiêu, cho ai Ng không nhớ. Ng đã trả 4 tháng tiền lãi là 7.600.000 đồng và trả bà M1 3.500.000 đồng tiền gốc vào tháng 7/2022. Số tiền Ng còn nợ bà M1 là 61.500.000 đồng và 05 chỉ vàng 9999 (tổng cộng là **88.067.000 đồng**). Bà M1 nhiều lần đòi tiền nhưng Ng không trả. Bà M1 giao nộp cho Cơ quan CSĐT 01 giấy biên nhận số tiền, vàng Ng vay đề ngày 01/01/2022 âm lịch như nêu trên.

Tại Kết luận số 19/KL-ĐGTS ngày 24/5/2023, Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự tỉnh Nam Định kết luận: 05 chỉ vàng 9999 tại thời điểm ngày 01/2/2022 là: 26.567.000 đồng.

11. Bà Nguyễn Thị Ng1, sinh năm 1967 và chồng là ông **Hà Văn H6**, sinh năm 1963, cùng trú tại thôn Nguyệt Th, xã Yên T, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định: Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2022 đến tháng 5/2022 bà Ng1 đã 03 lần cho Ng vay tiền tổng cộng là: **1.100.000.000 đồng** (một tỷ một trăm triệu đồng). Ng viết, ký xác nhận lần lượt từng khoản vay vào sổ do vợ chồng Ng1 - H6 giữ, không ghi lãi suất. Theo lời khai vợ chồng ông H6, bà Ng1 thì lãi suất thỏa thuận cho Ng vay tiền 03 lần là 0,8%/tháng (*tức 9,6%/năm*). Cụ thể:

- Ngày 12/02/2022 âm lịch (*tức ngày 14/3/2022*), cho Ng vay 600.000.000 đồng để buôn bán đất, thời hạn trả ngày 12/10/2022 (*âm lịch*). Khi vay tiền Ng đưa cho xem một giấy đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng để mua đất ở thôn Nguyệt B rồi để lại 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Công ở thôn Nguyệt Trung, Yên T, Ý Y (*ông H6, bà Ng1 không nhớ rõ các thông tin ghi trên sổ*). Vài ngày Ng lại mượn lại nói để cho khách xem nên bà Ng1 đưa lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ng. Ng đã trả 04 tháng lãi, mỗi tháng 4.800.000 đồng tổng, tiền số lãi là 19.200.000 đồng.

- Sau lần vay tiền thứ nhất khoảng vài ngày, ông H6, bà Ng1 tiếp tục cho Đỗ Thị Ng vay 300.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lấy ngày vay là 12/2/2022 (*âm lịch*) để tiện thanh toán trả lãi, thời hạn trả là ngày 12/05/2022 (*âm lịch*). Ng đã trả 03 tháng lãi, mỗi tháng 2.400.000 đồng đã trả được 3 tháng tổng số tiền là 7.200.000đ.

- Ngày 19/04/2022 âm lịch (*tức ngày 19/5/2022*), Ng vay 200.000.000 đồng để cho con trai làm kinh tế, thời hạn trả ngày 19/06/2022 (*âm lịch*). Ng đã trả 01 tháng lãi là 1.600.000 đồng.

Ngay sau khi nhận tiền vay, Ng đã mang đi trả tiền lãi cho người khác, cụ thể trả ai, bao nhiêu Ng không nhớ. Đến thời hạn trả, vợ chồng ông H6 nhiều lần

đòi tiền gốc nhưng Ng không trả. Tuy nhiên Ng khai lãi suất của tổng tiền vay cho vợ chồng Nga - H6 là 22.000.000 đồng/1tháng, đã trả lãi đến tháng 6/2022 và đã trả tiền vay gốc là 50.000.000 đồng; hiện Ng còn nợ số tiền là **1.050.000.000 đồng**.

12. Chị Hà Thị H4, sinh năm 1972, trú tại thôn Nguyệt Th, xã Yên T, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định: Hai lần cho Ng vay tiền để đặt cọc đất với tổng tiền là **60.000.000 đồng**. Chị H4 khai không có tính lãi, khi nào trả tiền thì tùy Ng trả lãi. Cụ thể:

- Khoảng cuối tháng 3/2022, cho Ng vay 30.000.000 đồng, thống nhất thời hạn vay từ khoảng 4 đến 5 tháng hoặc khi nào chị H4 cần trả tiền thì báo trước Ng sẽ hoàn trả.

- Ngày 08/04/2022, cho Ng vay thêm 30.000.000 đồng. Lần này, chị H4 yêu cầu cộng dồn hai lần vay tiền, viết thành 01 giấy vay tổng số tiền là 60.000.000 đồng và yêu cầu phải có chồng Ng cùng ký xác nhận trong giấy vay tiền thì chị H4 mới đồng ý cho vay. Ng đã tự ký, viết tên ông Hà Văn Tiểu vào giấy vay rồi đưa cho chị H4 giữ.

Sau khi nhận tiền vay, Ng đã mang đi trả tiền cho người khác, cụ thể trả ai, bao nhiêu Ng không nhớ. Đến tháng 7/2022 chị H4 nhiều lần đòi tiền gốc nhưng Ng không trả. Theo lời khai của Ng thì lãi suất H4 cho vay là 1%/tháng và đã trả lãi đến tháng 7/2022 nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh.

13. Anh Phạm Hồng Th2, sinh năm 1983, trú tại thôn Nguyệt B, xã Yên T, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định: Hai lần cho Ng vay để buôn bán đất với tổng số tiền là: **700.000.000 đồng**. Hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay được ghi trong giấy biên nhận là 1,5%/tháng (*tức 18%/năm*). Cụ thể:

- Ngày 24/3/2022, cho Ng vay 400.000.000 đồng để buôn bán bất động sản, thời hạn trả là ngày 24/09/2022. Ng đã trả lãi 4 tháng là 24.000.000 đồng, sau đó không trả nữa.

- Từ trước ngày 15/5/2022, anh Th2 còn nhiều lần cho Đỗ Thị Ng vay tiền để kinh doanh bất động sản, đến ngày 15/5/2022 cộng tổng số tiền vay là 300.000.000 đồng. Anh Th2 và Ng thống nhất cộng gộp các khoản vay lại, viết chung một giấy vay tiền với nội dung ngày 15/5/2022, Ng vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 15/8/2022. Khoản vay này Ng mới trả khoảng hơn 3.000.000 đồng tiền lãi. Trong thời gian vay khoản tiền này, Ng có nhiều lần trả một phần tiền gốc rồi tiếp tục vay lại của anh Th2 nhưng hai bên không viết lại giấy vay tiền, Ng vẫn nợ số tiền gốc là 300.000.000 đồng. Để tạo niềm tin cho anh Th2, Ng đã dẫn anh Th2 đi xem 02 mảnh đất của gia đình bà Trần Thị Bích (*sinh năm 1967, trú tại: thôn Đổng Lương, xã T Khánh, Vụ Bản, Nam Định*) để tiếp tục vay tiền. Ngoài ra, Ng còn mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 387813, của cháu họ là vợ chồng anh Đỗ Văn Nam và

Nguyễn Thị Hải, ở thôn Thanh Th, xã Yên L2, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định đưa cho anh Th2 giữ để làm tin vay tiền. Ngay sau khi nhận các khoản tiền vay của anh Th2, Ng đã mang đi trả tiền cho người khác, cụ thể trả ai, bao nhiêu Ng không nhớ. Đến thời hạn thanh toán, anh Th2 nhiều lần đòi tiền nhưng Ng không trả. Theo Ng khai nhận số tiền vay trên anh Th2 tính lãi suất là 5.000 đồng/triệu/ngày nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh.

14. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1962, trú tại thôn Thịnh Đ1, xã Yên L2, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định: Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2022 đến tháng 7/2022. Bà Nh đã 04 lần cho Đỗ Thị Ng vay tiền để mua đất và đáo hạn ngân hàng với tổng số tiền là: **810.000.000 đồng**. Mỗi lần nhận tiền Ng đều tự viết giấy vay tiền theo mẫu in sẵn điền các thông tin cá nhân, ghi rõ số tiền vay, thời hạn trả, không ghi lãi suất sau đó đưa cho bà Nh giữ để làm tin. Bà Nh xác định cho Ng vay tiền với lãi suất 1,5%/tháng (*tức 18%/năm*). Cụ thể:

- Ngày 18/4/2022, cho Ng vay 100.000.000 đồng để Ng đặt cọc đất, thời hạn trả 8/5/2022 đã trả 3 tháng lãi (5, 6, 7/2022) là 5.000.000 đồng.

- Ngày 16/5/2022, cho Ng vay 100.000.000 đồng để Ng đặt cọc đất, thời hạn trả: 26/5/2022, đã trả 1 tháng lãi là 1.500.000 đồng.

- Ngày 24/6/2022, cho Ng vay 100.000.000 đồng để đặt cọc đất, thời hạn trả: 01/7/2022, đã trả 1 tháng lãi là 1.500.000 đồng.

- Ngày 10/7/2022, cho Ng vay 510.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 10/08/2022. Ng tự để lại cho bà Nh giữ một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trồng lúa mang tên ông Hà Văn Tiểu, địa chỉ thôn Nguyệt Th, xã Yên T, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định làm tin. Ng chưa trả lãi cho bà Nh khoản vay này. Số tiền cho Ng vay bà Nh xác định có 800.000.000 đồng vay của cháu là Hà Hồng Sinh (*tên gọi khác là Nghĩa*), sinh năm 1986, trú tại tổ 1, đường Trần Huy Liệu, phường Văn Miếu, TP Nam Định.

Ngay sau khi nhận tiền vay, Ng đã mang đi trả tiền cho nhiều người, cụ thể trả ai, bao nhiêu Ng không nhớ. Đến thời hạn trả nợ bà Nh nhiều lần đòi tiền nhưng Ng không trả. Tuy nhiên, Ng khai nhận số tiền vay thì bà Nh tính lãi là 2.000 đồng/1triệu/ngày nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh.

15. Vợ chồng ông Hà Ngọc Đ2, sinh năm 1957 và bà **Trương Thị Y**, sinh năm 1954 cùng trú tại thôn Nguyệt Th, xã Yên T, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2019 đến tháng 7/2022, ông Đ2 đã bốn lần cho Ng vay tiền để buôn đất với tổng tiền **195.000.000 đồng**. Các lần vay tiền Ng đều viết giấy biên nhận vào sổ do bà Y, ông Đ2 giữ để làm tin, thỏa thuận khi cần trả gốc thì báo trước Ng sẽ thanh toán trả. Đối với các lần vay chung, vợ chồng Đ2 - Y không tính lãi suất; còn đối với các lần vay riêng của bà Y thì tính lãi là 1%/tháng (*tức 12%/năm*). Cụ thể: Ngày 22/6/2019, bà Y cho Ng vay 30.000.000 đồng. Ngày 27/01/2020, bà Y cho Ng vay 20.000.000 đồng. Ngày

02/7/2022, bà Y cho Ng vay 5.000.000 đồng. Ba lần vay trên, Ng đã trả được tiền vay gốc là 5.000.000 đồng và tiền lãi là 12.000.000 đồng.

- Ngày 08/5/2022 âm lịch (*tức ngày 06/6/2022*) vợ chồng bà Y - Đ2 cho Ng vay số tiền 140.000.000 đồng. Ngày 3/6/2022 (*âm lịch*), khi vợ chồng Y - Đ2 đòi tiền thì Ng đã trả được 20.000.000 đồng tiền gốc và viết lại giấy biên nhận với nội dung vay của ông Đ2 số tiền 120.000.000 đồng.

Sau khi nhận tiền vay, Ng sử dụng trả tiền cho nhiều người vay trước và tiêu xài cá nhân, trả bao nhiêu tiền, cho ai Ng không nhớ. Đến hạn trả nợ bà Y, ông Đ2 nhiều lần đòi tiền nhưng Ng không trả. Đến nay số tiền Ng còn nợ của vợ chồng Đ2 - Y là: **170.000.000 đồng**.

16. Anh Hà Văn Ch2, sinh năm 1984, trú tại thôn Nguyệt Th, xã Yên T, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định: Ngày 22/06/2022, cho Ng vay **500.000.000** đồng để đặt cọc đất, thời hạn trả ngày 01/07/2022, không tính lãi suất do là cháu họ của Ng. Anh Ch2 yêu cầu phải có ông Tiểu (*chồng Ng*) cùng ký xác nhận vào giấy vay thì mới đồng ý cho vay tiền, Ng đã tự ký, viết tên Hà Văn Tiểu vào trong giấy vay tiền rồi đưa cho anh Ch2 giữ. Chị Hà Thị Ph Thắm, sinh năm 1986 là vợ anh Ch2 đã chuyển khoản ngân hàng đến tài khoản Trần Tuấn Anh số tiền 280.000.000 đồng để Ng rút tiền mặt. Còn 220.000.000 đồng chị Thắm đưa tiền mặt cho Ng tại nhà. Ngay sau khi nhận tiền Ng đã đi trả tiền cho người khác, cụ thể trả ai, bao nhiêu tiền Ng không nhớ, còn lại khoảng 20 đến 30 triệu đồng Ng sử dụng tiêu xài hết. Đến thời hạn trả nợ, anh Ch2 nhiều lần đòi tiền nhưng Ng không trả. Ng xác định Ch2 cho Ng vay số tiền trên với lãi suất 4.000 đồng/1triệu/1ngày, đã trả lãi khoản vay trên 2 lần tổng cộng là 40.000.000 đồng, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh. Đến nay Ng vẫn còn nợ anh Ch2 số tiền 500.000.000 đồng.

17. Chị Nguyễn Thị Ng1, sinh năm 1989, trú tại thôn Ngô X, xã Yên L2, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định: Ngày 24/6/2022, cho Ng vay **250.000.000** đồng để đặt cọc mua đất, thời hạn trả là ngày 24/7/2022. Ng tự viết giấy vay tiền, điền các thông tin trên mẫu in sẵn nhưng không ghi lãi suất. Chị Ng1 khai số tiền trên cho Ng vay với lãi suất là 1%/tháng (*tức 12%/năm*). Đến tháng 7 âm lịch chị Ng1 đòi thì Ng đã trả được 110.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại **140.000.000 đồng**, nhưng không viết lại giấy vay tiền, Ng chưa trả lãi cho chị Ng1.

Sau khi nhận tiền vay, Ng đã mang đi trả tiền cho nhiều người, cụ thể trả ai, bao nhiêu Ng không nhớ. Ng xác định khoản vay trên Ng1 tính lãi là 3.000 đồng/1triệu/ngày và Ng đã trả lãi đến tháng 6/2022 nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh.

18. Chị Nguyễn Thị H5, sinh năm 1987, trú tại thôn Thanh N, xã Yên L2, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định: Năm lần cho Đỗ Thị Ng vay tiền để đầu tư mua đất ở thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam với tổng tiền vay là **1.529.000.000 đồng** (*một*

tỷ năm trăm hai mươi chín triệu đồng). Chị H5 xác định, các lần cho Ng vay tiền chị H5 và Ng làm hợp đồng cho vay tiền ghi số tiền vay, thời hạn trả, lãi suất là 0%, lập thành 2 bản mỗi bên giữ một bản, chị H5 không lấy lãi suất vì Ng hứa cho tiền hoa hồng khi bán đất. Trước đây Ng đã vay rồi trả tiền chị nhiều lần, mỗi lần trả tiền vay Ng cho từ 3 đến 5 triệu đồng. Quá trình điều tra, chị H5 và Ng giao nộp các giấy tờ vay tiền của các ngày như sau: Ngày 30/06/2022, Ng vay 550.000.000 đồng, thời hạn trả 09/7/2022. Ngày 03/7/2022, Ng vay 110.000.000 đồng, thời hạn trả 12/7/2022. Ngày 05/7/2022, Ng vay 330.000.000 đồng, thời hạn trả: 14/7/2022. Ngày 07/7/2022, Ng vay 110.000.000 đồng, thời hạn trả 16/07/2022. Ngày 08/07/2022, Ng vay 429.000.000 đồng, thời hạn trả: 17/7/2022.

Ban đầu Ng khai từ tháng 2/2022 nhiều lần vay tiền của chị H5 tổng cộng là số tiền 1.529.000.000 đồng rồi trả, sau đó tiếp tục vay, chị H5 tính lãi suất vay là 10.000đ/1triệu /1 ngày. Cơ quan CSĐT đã tiến hành đối chất thì Ng xác định tổng số tiền 1.529.000.000 đồng trong các hợp đồng vay nêu trên chưa thanh toán trả là tiền gốc vay, chị H5 tính lãi suất như thế nào Ng không nhớ rõ, các khoản vay trước đây chị H5 có lấy lãi suất nhưng Ng không xác định được cụ thể, mỗi lần trả tiền vay gốc Ng cho chị H5 từ 3 đến 5 triệu đồng.

19. Ông Hà Mạnh T3, sinh năm 1968, trú tại thôn Nguyệt Trung, xã Yên T, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định: Ngày 07/7/2022, ông T3 cho Ng vay **300.000.000 đồng**, để đặt cọc mua đất. Hai bên cùng ký bản Hợp đồng đặt cọc về việc mua bán đất để thay cho giấy vay tiền, ghi thời hạn vay là 10 ngày, cùng thống nhất lãi suất khoản vay là 5.000 đồng/1triệu/1ngày nhưng không ghi trong hợp đồng. Ông T3 thu luôn số tiền lãi là 15.000.000 đồng/10ngày, còn lại số tiền 285.000.000 đồng Ng yêu cầu ông T3 chuyển khoản 200.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng MBbank số 7770185679999 của chị Nguyễn Thị H5 để trả nợ và chuyển khoản 85.000.000 đồng vào tài khoản số 0973707020 của Trần Tuấn Anh, sinh năm 1972 ở cùng thôn với Ng (*làm dịch vụ nhận, chuyển tiền online*) sau đó Ng đến rút lấy tiền mặt để trả nợ cho nhiều người khác, cụ thể trả cho ai, bao nhiêu Ng không nhớ, không có sổ sách ghi chép. Đến thời hạn trả tiền, ông T3 nhiều lần đòi nhưng Ng không trả tiền. Ông Hà Mạnh T3 giao nộp cho Cơ quan CSĐT 01 hợp đồng đặt cọc mua bán nhà đất thể hiện nội dung Ng vay số tiền như nêu trên.

20. Bà Nguyễn Thị Th3, sinh năm 1971, trú tại thôn Thanh N, xã Yên L2, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định: Ngày 11/6/2022 âm lịch (*tức ngày 09/7/2022*), cho Ng vay **30.000.000 đồng** để buôn bán bất động sản. Ng viết biên nhận khoản vay vào sổ do bà Th3 giữ, thỏa thuận khi nào cần tiền gốc thì báo trước vài ngày để Ng trả, lãi suất là 01%/tháng (*tương đương 12%/năm*) nhưng không ghi trong giấy vay. Ng chưa trả tiền lãi, tiền gốc cho bà Th3. Ngay sau khi vay được số tiền trên Ng đã trả tiền cho người khác, không nhớ cụ thể trả ai, bao nhiêu tiền, không ghi chép lại.

21. Ông Nguyễn Xuân H3, sinh năm 1966, trú tại thôn Thanh Tr, xã Yên L2, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định: Ngày 10/7/2022, cho Ng vay số tiền **120.000.000** đồng để buôn bán đất. Đỗ Thị Ng đã viết giấy vay tiền giao cho ông H3 giữ, nội dung thỏa thuận lãi suất khoản vay là 1,2%/tháng (*trương đương với 14,4%/năm*), thời hạn trả: 10/09/2022. Sau khi vay được tiền Ng đã trả cho người khác, không nhớ cụ thể trả ai, bao nhiêu tiền. Ông H3 khai Ng chưa trả tiền lãi, tiền gốc cho ông H3. Đỗ Thị Ng xác nhận mới trả 01 tháng tiền lãi cho ông H3, hiện còn nợ số tiền gốc là 120.000.000 đồng.

Hiện tại, Đỗ Thị Ng còn nợ của các bị hại trên địa bàn huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định với tổng số tiền **6.935.624.000** đồng (Sáu tỷ chín trăm ba mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi tư triệu đồng) bao gồm: Đỗ Thị G số tiền 15.000.000 đồng; Phạm Thị Ch số tiền 50.000.000 đồng; Nguyễn Thị T2 số tiền 90.000.000 đồng, Hà Văn M số tiền 16.000.000 đồng; Hà Thị L3 số tiền 39.000.000 đồng; Nguyễn Thị H1 số tiền 118.557.000 đồng; Nguyễn Thị Th1 số tiền 540.000.000 đồng; Đỗ Thị Ch1 số tiền 341.000.000 đồng; Nguyễn Thị Ph số tiền 229.000.000 đồng; Hà Thị M1 là 88.067.000 đồng; vợ chồng ông Hà Văn H6 số tiền 1.050.000.000 đồng; Hà Thị H4 số tiền 60.000.000 đồng; Phạm Hồng Th2 số tiền 700.000.000 đồng; Nguyễn Thị Nh số tiền 810.000.000 đồng; vợ chồng ông Hà Ngọc Đ2 và bà Trương Thị Y số tiền 170.000.000 đồng; Hà Văn Ch2 số tiền 500.000.000 đồng; Nguyễn Thị Ng1 số tiền 140.000.000 đồng; Nguyễn Thị H5 số tiền 1.529.000.000 đồng; Hà Mạnh T3 số tiền 300.000.000 đồng; Nguyễn Thị Th3 số tiền 30.000.000 đồng; Nguyễn Xuân H3 số tiền 120.000.000 đồng.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định đã trưng cầu Phòng KTHS Công an tỉnh Nam Định giám định chữ viết, chữ ký trên các tài liệu cho vay do người bị hại giao nộp (*hợp đồng cho vay tiền, giấy vay tiền, nội dung ghi khoản vay trong sổ*) so sánh với chữ viết, chữ ký của Đỗ Thị Ng; Giám định chữ viết, chữ ký của Hà Văn Tiểu, Hà Văn Tĩnh, Nguyễn Thị L3.

Tại Kết luận giám định số 1663/KL-KTHS, ngày 30/11/2022, phòng KTHS kết luận: Các giấy vay tiền có chữ ký, chữ viết đề tên Hà Văn Tiểu, Hà Văn Tĩnh và Nguyễn Thị L3 tại mục người vay dưới chữ ký, họ tên Đỗ Thị Ng không phải do Hà Văn Tiểu, Hà Văn Tĩnh, Nguyễn Thị L3 ký và viết ra.

Tại Kết luận giám định số 313/KL-KTHS, ngày 28/2/2023; Kết luận giám định số 531/KL-KTHS, ngày 31/3/2023 và Kết luận giám định số 712/KL-KTHS, ngày 12/5/2023 của phòng KTHS - Công an tỉnh Nam Định kết luận: Chữ ký, chữ viết trên các giấy vay tiền so với chữ ký, chữ viết đúng tên Đỗ Thị Ng trên mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra.

- Đỗ Thị Ng giao nộp:

+ 14 Hợp đồng cho vay tiền giữa Đỗ Thị Ng với Nguyễn Thị H5.

Ng xác định 05 hợp đồng cho vay tiền từ ngày 30/5/2022 đến 08/7/2022,

tổng cộng số tiền vay: 1.529.000.000 đồng, là số tiền hiện còn nợ chị H5. Số hợp đồng còn lại là các khoản tiền Ng vay của chị H5 từ trước đây, đều đã thanh toán trả xong nên chị H5 xé rách ở giữa rồi trả lại hợp đồng vay. Các khoản vay này đều là tiền vay gốc, chị H5 tính lãi như thế nào Ng không xác định được.

+ 01 Giấy vay tiền giữa Đỗ Thị Ng với Nguyễn Thị Nh. Ng xác định khoản tiền này đã thanh toán trả nên bà Nh trả lại giấy vay tiền.

+ 01 tờ giấy kê ô ly trên ghi chữ, số. Ng khai tờ giấy này ghi ngày trả lãi cho Th2, không thể hiện rõ ngày tháng vay tiền, lãi suất vay. Tại cơ quan điều tra Th2 không thừa nhận như nội dung Ng khai, không biết về tờ giấy này.

+ 01 quyển vở kẻ ngang gồm 174 trang (đều có chữ ký của Đỗ Thị Ng), Cơ quan CSĐT đã đánh số tờ (từ số 01 đến số 71). Ng xác định đây là sổ Ng ghi chép việc trả lãi, tham gia chơi phùng hội và một số khoản vay nhỏ, đã thanh toán xong và gạch bỏ, Ng không xác định chi tiết nội dung ghi chép.

- Ông Hà Mạnh T3 giao nộp: 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Cơ quan CSĐT đã nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc nhà nước tỉnh Nam Định.

- Bà Nguyễn Thị Nh giao nộp: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trồng lúa số CK 857807 đề tên Hà Văn Tiễn.

- Anh Phạm Hồng Th2 giao nộp: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 387813, đề tên ông Đỗ Văn Nam và bà Nguyễn Thị Hải, địa chỉ thôn Thanh Th, xã yên L2, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định.

Vật chứng của vụ án gồm:

Vật chứng chuyển theo hồ sơ vụ án:

+ Các giấy biên nhận vay tiền, hợp đồng cho vay tiền, sổ sách thu giữ.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trồng lúa số CK 857807 của ông Hà Văn Tiễn; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 387813 của ông Đỗ Văn Nam và bà Nguyễn Thị Hải.

Vật chứng chuyển cục THADS: Số tiền 15.000.000 đồng thu giữ của anh Hà Mạnh T3.

Cáo trạng số 75/CT-VKS-P3 ngày 26/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Đỗ Thị Ng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2023/HS-ST ngày 28/8/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Đỗ Thị Ng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm g, i khoản 1 Điều 52, Điều 39 Bộ luật hình sự 2015: Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Ng tù chung thân, thời hạn tù được tính từ ngày 15/12/2022.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí, xử lý vật chứng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/9/2023, bị cáo Đỗ Thị Ng có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 11/9/2023, những người bị hại gồm: bà Đỗ Thị G, bà Phạm Thị Ch, bà Nguyễn Thị T2, ông Hà Văn M, chị Hà Thị L3, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị Th1, bà Đỗ Thị Ch1, bà Nguyễn Thị Ph, bà Hà Thị M1, bà Nguyễn Thị Ng1, chị Hà Thị H4, anh Phạm Hồng Th2, bà Nguyễn Thị Nh, ông Hà Ngọc Đ2, anh Hà Văn Ch2, chị Nguyễn Thị Ng1, ông Hà Mạnh T3, bà Nguyễn Thị Th3, ông Nguyễn Xuân H3 kháng cáo có cùng nội dung cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Đỗ Thị Ng xin rút toàn bộ đơn kháng cáo, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của bị cáo và bác kháng cáo của các bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Những người bị hại gồm bà Phạm Thị Ch, ông Hà Văn M, chị Hà Thị L3, bà Đỗ Thị Ch1, bà Nguyễn Thị Ph, bà Hà Thị M1, bà Nguyễn Thị Ng1 và ông Hà Văn H6, chị Hà Thị H4, bà Nguyễn Thị Nh, ông Hà Ngọc Đ2 và bà Trương Thị Y, anh Hà Văn Ch2, ông Nguyễn Xuân H3 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Những người bị hại tại phiên tòa do ông Nguyễn Xuân H3 đại diện đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc bản án sơ thẩm bỏ lọt tội phạm đối với ông Hà Văn T1 (là chồng bị cáo Ng), đề nghị xử lý ông Hà Văn T1 với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo Ng lừa đảo chiếm đoạt của các bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với kháng cáo của bị cáo Đỗ Thị Ng đồng thời không chấp nhận kháng cáo của những người bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Kháng cáo của bị cáo Đỗ Thị Ng và kháng cáo của những người bị hại trong hạn luật định, được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đỗ Thị Ng đã tự nguyện xin rút toàn bộ đơn kháng cáo, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 342, Điều 348 Bộ luật tố

tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của bị cáo Ng. Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2023/HS-ST ngày 28/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định về tội danh, điều luật áp dụng, hình phạt đối với bị cáo Đỗ Thị Ng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa có mặt 14/22 người bị hại có kháng cáo, Hội đồng xét xử thấy các bị hại đều kháng cáo cùng nội dung đề nghị xem xét việc bỏ lọt tội phạm đối với ông Hà Văn T1 (chồng bị cáo), Tòa án đã triệu tập hợp lệ các bị hại, do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với 8/24 người bị hại.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đỗ Thị Ng thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ kết luận: Từ tháng 01/2019 đến năm 2022, mặc dù đang vay mượn nhiều người với số tiền lớn và không có khả năng thanh toán nhưng bị cáo Đỗ Thị Ng vẫn gian dối che giấu việc bản thân mất khả năng thanh toán hoặc nói dối về việc kinh doanh của mình nhằm tạo niềm tin để hỏi vay, rồi chiếm đoạt tiền của các bị hại: bà Đỗ Thị G 15.000.000 đồng, bà Phạm Thị Ch 50.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị T2 90.000.000 đồng, ông Hà Văn M 16.000.000 đồng, chị Hà Thị L3 39.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị H1 118.557.000 đồng, bà Nguyễn Thị Th1 540.000.000 đồng, bà Đỗ Thị Ch1 341.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Ph 229.000.000 đồng, bà Hà Thị M1 88.067.000 đồng, vợ chồng bà Nguyễn Thị Ng1 và ông Hà Văn H6 1.050.000.000 đồng, chị Hà Thị H4 60.000.000 đồng, anh Phạm Hồng Th2 700.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Nh 810.000.000 đồng, ông Hà Ngọc Đ2 và bà Trương Thị Y 170.000.000 đồng, anh Hà Văn Ch2 500.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Ng1 140.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị H5 1.529.000.000 đồng, ông Hà Mạnh T3 300.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Th3 30.000.000 đồng, ông Nguyễn Xuân H3 120.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo Đỗ Thị Ng chiếm đoạt của những người bị hại là **6.935.624.000** đồng.

Do có hành vi nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định truy tố, xét xử bị cáo Đỗ Thị Ng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng vẫn cố tình phạm tội, do vậy cần phải xử phạt nghiêm minh mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Xét kháng cáo đề nghị xem xét việc bỏ lọt tội phạm của những người bị hại, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của những người bị hại về bỏ lọt tội phạm đối với ông Hà Văn T1.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa và ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Bị cáo Đỗ Thị Ng không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Những người bị hại kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 342, Điều 348; điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Đỗ Thị Ng. Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2023/HS-ST ngày 28/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định về tội danh, điều luật và hình phạt đối với bị cáo Đỗ Thị Ng có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận kháng cáo của những người bị hại gồm: bà Đỗ Thị G, bà Phạm Thị Ch, bà Nguyễn Thị T2, ông Hà Văn M, chị Hà Thị L3, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị Th1, bà Đỗ Thị Ch1, bà Nguyễn Thị Ph, bà Hà Thị M1, bà Nguyễn Thị Ng1, chị Hà Thị H4, anh Phạm Hồng Th2, bà Nguyễn Thị Nh, ông Hà Ngọc Đ2, anh Hà Văn Ch2, chị Nguyễn Thị Ng1, ông Hà Mạnh T3, bà Nguyễn Thị Th3, ông Nguyễn Xuân H3.

Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2023/HS-ST ngày 28/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

2. Về án phí: Bị cáo Đỗ Thị Ng không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Những người bị hại gồm: bà Đỗ Thị G, bà Phạm Thị Ch, bà Nguyễn Thị T2, ông Hà Văn M, chị Hà Thị L3, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị Th1, bà Đỗ Thị Ch1, bà Nguyễn Thị Ph, bà Hà Thị M1, bà Nguyễn Thị Ng1, chị Hà Thị H4, anh Phạm Hồng Th2, bà Nguyễn Thị Nh, ông Hà Ngọc Đ2, anh Hà Văn Ch2, chị Nguyễn Thị Ng1, ông Hà Mạnh T3, bà Nguyễn Thị Th3, ông Nguyễn Xuân H3, mỗi người phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Công an tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- TTG - Công an tỉnh Nam Định;
- Bị cáo (qua trại);
- Người bị hại (theo đ/c);
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tụ Học